

Đánh giá lợi thế so sánh ngành dệt may Việt Nam trong khu vực Asean thông qua chỉ số lợi thế so sánh hiển thị

HUYỀN THỊ THÚY GIANG*

Tóm tắt

Kết quả phân tích lợi thế so sánh ngành dệt may của Việt Nam và các nước trong khu vực Asean thông qua chỉ số lợi thế so sánh hiển thị, cho phép khẳng định Việt Nam đang có vị trí rất lớn tại khu vực Asean trong ngành dệt may. Tuy nhiên, khoảng cách giữa Việt Nam và các nước có chỉ số so sánh thấp liền kề, như: Lào, Indonesia và Philippines đã được rút ngắn đáng kể trong những năm gần đây. Điều này đặt ra yêu cầu bức thiết cho dệt may Việt Nam trong việc chuyển đổi sản xuất, đẩy mạnh phát triển những khâu tạo giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị thay vì tập trung vào gia công.

Từ khóa: dệt may, Việt Nam, lợi thế so sánh, Asean

Summary

The result of the comparative advantage analysis of Vietnam's and ASEAN countries' textile industry through the comparative advantage index reveals that Vietnam possesses a great position in the region. However, the gap between the index of Vietnam and closely followed neighboring countries such as Laos, Indonesia and the Philippines has been considerably shortened in recent years. Thus, it's essential for Vietnam's garment industry to change its production, accelerate the development of higher added value rather than outsourcing.

Keywords: textiles, Vietnam, comparative advantage, Asean

GIỚI THIỆU

Nhiều năm qua, dệt may là một trong những ngành mang về ngoại tệ khá lớn cho đất nước và được ưu tiên hàng đầu trong chiến lược xuất khẩu hàng hóa Việt Nam ra thị trường thế giới. Tỷ lệ tăng trưởng bình quân khoảng 15%/năm và đến nay đã vươn lên trở thành một trong những ngành kinh tế hàng đầu cả nước, với kim ngạch xuất khẩu cao, đóng góp từ 10%-15% GDP hàng năm. Ngành dệt may đã có được lợi thế so sánh nhất định trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, Việt Nam phát huy lợi thế giá rẻ trong lao động để phát triển ngành dệt may theo hướng gia công trong giai đoạn gần đây đã gặp không ít khó khăn khi hội nhập kinh tế quốc tế đã làm tăng giá cả lao động tại Việt Nam. Điều này đặt ra yêu cầu trong việc xác định cụ thể vị trí, lợi thế so sánh về ngành dệt may của Việt Nam trong khu vực Asean, để từ đó có những điều

chính định hướng, chính sách phát triển cần thiết.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các mô hình xác định lợi thế so sánh của quốc gia ở cấp độ ngành hay sản phẩm thông qua chỉ số lợi thế so sánh hiển thị đã được phát triển qua các nghiên cứu của Balassa (1965), White (1987), Greenaway, D. and C. Milner (1993). Nhiều công trình nghiên cứu đã ứng dụng cơ sở lý thuyết và cách thức xác định chỉ số lợi thế so sánh của các nhà nghiên cứu nêu trên để nghiên cứu lợi thế so sánh của các quốc gia ở những nhóm ngành hay sản phẩm cụ

* TS., Trường Đại học Kinh tế - Luật TP. Hồ Chí Minh | Email: nennv@uel.edu.vn

Ngày nhận bài: 20/04/2017; Ngày phản biện: 15/06/2017; Ngày duyệt bài: 23/06/2017

thể, như: Widgren & Mika (2005), John Weiss (2005)...

Nghiên cứu này sẽ dựa trên công thức của Balassa (1965) để tính toán chỉ số lợi thế so sánh hiện thị RCA (Revealed Comparative Advantage) đối với ngành dệt may của Việt Nam và các nước trong khu vực Asean. Chỉ số RCA được xác định như sau:

$$RCA_i = \frac{X_{ij}/X_i}{X_{wj}/X_w}$$

Trong đó:

RCA_i : Chỉ số lợi thế so sánh của nước i đối với sản phẩm j;

X_{ij} : Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm j của nước i;

X_i : Tổng kim ngạch xuất khẩu của nước i;

X_{wj} : Tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm j của thế giới;

X_w : Tổng kim ngạch xuất khẩu của thế giới.

Bên cạnh đó, mô hình của White (1987) là một sự mở rộng mô hình của Balassa. Phương pháp này được tính toán dựa trên nguồn cung xuất khẩu và nhu cầu nhập khẩu của một hàng hóa nhất định trong một quốc gia. Do đó, chỉ số của White phản ánh được kết quả lợi thế so sánh ròng (trong khi mô hình của Balassa chỉ đề cập đến phần xuất khẩu). Chỉ số lợi thế so sánh theo mô hình này được tính như sau:

$$RCA_i = \frac{X_{ij}/X_i}{X_{wj}/X_w} - \frac{M_{ij}/M_i}{M_w/M_w}$$

Trong đó:

RCA_i : Chỉ số lợi thế so sánh của nước i đối với sản phẩm j;

X_{ij}, M_{ij} : Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm j của nước i;

X_i, M_i : Tổng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu của nước i;

X_{wj}, M_{wj} : Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm j của thế giới;

X_w, M_w : Tổng kim ngạch xuất khẩu của thế giới.

Theo cách tính toán này, nếu $RCA_i > 1$ và $RCA_i > 0$, chứng tỏ cả hai mô hình đều phản ánh đúng thực tế và kết quả là quốc gia i có lợi thế so sánh về sản phẩm j. Tuy nhiên, nếu kết quả không giống nhau thì cả hai mô hình không có tính nhất quán và chưa thể kết luận là sản phẩm j của quốc gia có lợi thế so sánh hay không.

BẢNG 1: CHỈ SỐ RCA NGÀNH DỆT MAY CÁC QUỐC GIA ASEAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Quốc gia	2002	2004	2006	2008	2010	2012	2014
RCA - Balassa							
Campuchia	15,14	17,52	20,49	21,88	16,77	17,74	19,22
Việt Nam	3,61	4,1	4,08	4,62	4,82	4,34	4,09
Myanmar	-	-	-	-	1,36	3,43	1,78
Lào	8,94	9,94	5,05	5,31	3,67	2,74	1,73
Indonesia	2,02	1,98	1,94	1,76	1,58	1,54	1,49
RCA - White							
Campuchia	7,95	10,07	11,06	10,54	11,07	11,8	6,72
Việt Nam	1,54	2,08	1,95	2,64	2,58	1,96	1,83
Lào	6,95	8,04	3,5	3,97	1,3	2,15	1,31
Indonesia	1,62	1,75	1,74	1,08	0,73	0,69	0,62

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu UN Comtrade

Nghiên cứu này sẽ dựa trên công thức tính RCA - Balassa để tính toán chỉ số lợi thế lợi sánh ngành dệt may của Việt Nam và các nước trong Asean. Đồng thời, sử dụng công thức RCA - White kiểm chứng lại kết quả để từ đó có những nhận định, đánh giá phù hợp nhất với thực tế tại Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu được lấy từ kết quả xuất - nhập khẩu của các nước trong Asean theo mã HS 4 chữ số từ UN Comtrade trong giai đoạn 2002-2014.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Lợi thế so sánh ngành dệt may Việt Nam và khu vực Asean trên thị trường thế giới

Mặc dù có kim ngạch xuất khẩu dệt may cao nhất trong vực qua các năm, nhưng Việt Nam chưa thể tự chủ nguồn nguyên liệu, cấu trúc sản xuất của ngành còn mang nặng tính gia công và chưa tạo ra giá trị gia tăng cao. Do đó, tuy kim ngạch xuất khẩu Việt Nam có cao hơn các nước, nhưng phải xem Việt Nam có lợi thế so sánh và vị thế cạnh tranh trong khu vực như thế nào để có chiến lược phát triển phù hợp thay vì tập trung vào gia công như hiện nay.

Kết quả Bảng 1 cho thấy, theo chỉ số RCA - Balassa, thì khu vực Asean chỉ có 05 nước có lợi thế so sánh trong ngành dệt may, Campuchia là nước có lợi thế so sánh cao nhất trong khu vực Asean và cao gần 05 lần Việt Nam. Các quốc gia Lào, Myanmar, Indonesia có lợi thế so sánh, nhưng hầu như không thể cạnh tranh với Việt Nam. Trong 5 năm trở lại đây, chỉ số lợi thế so sánh RCA của các nước Asean có sự thay đổi không ổn định, tăng giảm theo sự biến động của thị trường. Tuy nhiên, chỉ số của Việt Nam mặc dù luôn xếp thứ 2 trong khu vực, nhưng lại có xu hướng giảm liên tục. Điều này làm nổi lên nguy cơ Việt Nam sẽ mất đi vị trí cạnh tranh

**BẢNG 2: CHỈ SỐ RCA - NGÀNH DỆT MAY CÁC NƯỚC ASEAN
TẠI THỊ TRƯỜNG EU**

Năm	2001	2002	2004	2006	2008	2010	2012	2014
RCA - Balassa								
Campuchia	26,88	27,34	30,57	32,64	33,82	31,01	31,56	30,91
Việt Nam	6,03	5,49	4,89	6,47	6,01	5,52	4,93	4,56
Indonesia	5,95	4,57	5,04	4,72	4,16	3,75	3,8	3,58
Thái Lan	2,24	2,24	2,3	2,36	1,96	1,85	1,4	1,25
Philippines	1,2	1,25	1,3	1,13	1	0,51	1,48	1,22
RCA - White								
Campuchia	26,66	27,15	29,39	31,62	31,66	30,37	30,65	30,12
Việt Nam	5,56	5,14	4,57	6,1	5,69	5,23	4,61	4,23
Indonesia	5,86	4,5	5	4,68	4,06	3,64	3,7	3,47
Thái Lan	2,08	2,07	2,1	2,13	1,79	1,75	1,31	1,12
Philippines	0,99	1,03	1,13	0,91	0,76	0,33	1,27	1,11

**BẢNG 3: CHỈ SỐ RCA - NGÀNH DỆT MAY CÁC NƯỚC ASEAN
TẠI THỊ TRƯỜNG HOA KỲ**

Quốc gia	2002	2004	2006	2008	2010	2012	2014
RCA - Balassa							
Campuchia	61,6	77,04	108,5	156,72	155,57	161,33	158,21
Việt Nam	25,73	38,78	42,73	68,03	70,32	65,74	57,75
Lào	57,45	47,69	100,76	113,01	91,67	76,75	51,07
Indonesia	15,41	20,34	33,67	43,64	44,53	44,08	37,63
Philippines	13,2	17,89	26,27	27,17	18,28	23,31	22,99
Thái Lan	8,51	9,88	11	13,88	11,09	8,29	7,62
Malaysia	2,24	2,39	2,69	4,41	4,14	4,4	4,68
Singapore	3,22	2,8	3,19	3,92	2,28	2,04	1,59
RCA - White							
Campuchia	60,39	75,15	106,74	156,59	155,18	161,21	158,02
Việt Nam	25,12	38,57	42,37	67,9	70,22	65,6	57,61
Lào	57,39	47,69	100,23	112,96	91,57	76,75	51,07
Indonesia	15,37	20,3	33,66	43,59	44,5	44,04	37,59
Philippines	13,15	17,85	26,24	27,14	18,25	23,27	22,94
Thái Lan	8,45	9,82	10,94	13,78	11,02	8,23	7,57
Malaysia	2,23	2,38	2,68	4,4	4,13	4,36	4,64
Singapore	3,19	2,78	3,16	3,89	2,25	1,99	1,55

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu UN Comtrade

trong khu vực nếu xu hướng giảm này cứ tiếp tục diễn ra.

Theo chỉ số RCA - White, thì vị trí lợi thế ngành dệt may trong khu vực Asean tương đối phù hợp với chỉ số của Balassa và không có sự thay đổi lớn về vị trí lợi thế. Tuy nhiên, nhóm các nước có lợi thế so sánh chỉ còn 04 nước. Myanmar vẫn chưa kết luận được có lợi thế so sánh hay không khi lượng nhập khẩu đã làm cho chỉ số RCA - White < 0. Như vậy, thông qua chỉ số RCA - Balassa và RCA - White, thì vẫn có thể khẳng định Campuchia và Việt Nam có vị thế cạnh tranh cao trong khu vực xét trên phương diện chỉ số lợi thế so sánh.

Lợi thế so sánh ngành dệt may Việt Nam và khu vực Asean tại thị trường Hoa Kỳ, EU

Kết quả Bảng 2 cho thấy, RCA - Balassa và RCA - White cho thấy tại EU, Việt Nam có lợi thế so sánh cao hơn so với thị trường thế giới và tiếp tục giữ vị trí thứ hai về lợi thế so sánh, chỉ sau Campuchia. Tuy nhiên, tại thị trường EU, chênh lệch giữa Việt Nam và Campuchia đã nới rộng hơn so với trên thị trường thế giới, lên đến hơn 6 lần. Các nước Thái Lan và Philippines vốn không có lợi thế so sánh trên thị trường thế giới thì đã có lợi thế tại thị trường EU. Kết quả này cho thấy, tại thị trường EU, chỉ số so sánh ngành dệt may Việt Nam mặc dù có cao hơn so với thị trường toàn thế giới về mặt số tuyệt đối, nhưng đã có phần suy giảm vị trí hơn khi đặt trong mối so sánh với các nước khu vực Asean.

Bảng 3 cho thấy, đối với thị trường Hoa Kỳ, dệt may Việt Nam có nhiều lợi thế hơn khi mà các thương hiệu Hoa Kỳ đã chọn Việt Nam để gia công từ giữa thập niên 90 khi Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Chỉ số RCA - Balassa và chỉ số RCA - White ngành dệt may tại thị trường Hoa Kỳ cũng cho thấy, Campuchia giữ vị trí thống trị tại thị trường này về lợi thế so sánh. Tuy nhiên, khoảng cách giữa Việt Nam và Campuchia được thu hẹp hơn so với trên thị trường thế giới và châu Âu, chỉ còn kém khoảng 2.7 lần. Khoảng cách của Việt Nam với các nước còn lại cũng được thu hẹp hơn so với thị trường toàn thế giới và châu Âu. Tại thị trường Hoa Kỳ, hầu hết các nước Asean đều có lợi thế so sánh cao và rất cao. Các nước Lào và Indonesia đã có được lợi thế so sánh rất cao tại thị trường này. Với sức tiêu thụ

lớn nhất thế giới, hầu như các nước đều tập trung nguồn lực để xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ và mức độ cạnh tranh hàng hóa tại thị trường này được xếp vào bậc nhất thế giới.

Đánh giá vị trí cạnh tranh của ngành dệt may Việt Nam trong Asean từ chỉ số RCA

Dựa trên chỉ số lợi thế so sánh, có thể khẳng định Việt Nam đang có vị trí rất lớn tại khu vực Asean. Tính trên toàn thị trường thế giới và hai thị trường lớn là EU và Hoa Kỳ, thì Việt Nam luôn đứng vị trí thứ 2, chỉ xếp sau Campuchia (Hình).

Tuy nhiên, tại từng thị trường khác nhau: trên phạm vi toàn thế giới, EU và Hoa Kỳ thì ngành dệt may Việt Nam lại có những vị trí khác nhau.

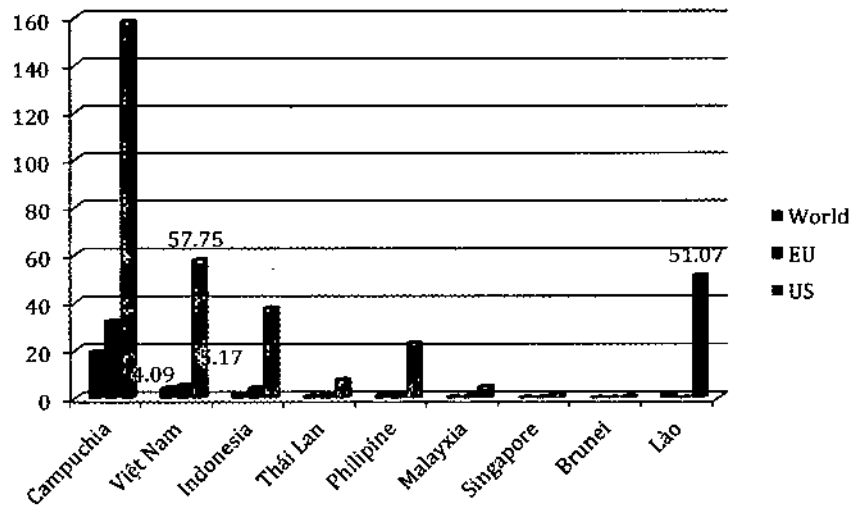
(i) Về kim ngạch xuất khẩu, trên phạm vi toàn thế giới hoặc những thị trường lớn như Hoa Kỳ và EU, thì kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam luôn dẫn đầu và có khoảng cách rất xa với các nước trong khu vực.

(ii) Về chỉ số lợi thế so sánh RCA trên phương diện toàn thế giới thì dệt may Việt Nam có lợi thế so sánh cao hơn so với tại thị trường EU và Hoa Kỳ. Trên thế giới, chỉ số lợi thế so sánh của Việt Nam đạt ở mức cao, kém khoảng 4,7 lần so với nước dẫn đầu là Campuchia và lớn gấp 2,3-2,7 lần so với các nước có chỉ số so sánh thấp liền kề.

(iii) Về chỉ số lợi thế so sánh RCA xét tại thị trường EU, dệt may Việt Nam vẫn giữ vị trí thứ 2 sau Campuchia, nhưng khoảng cách với nước này đã lên đến 6,2 lần và chỉ lớn gấp 1,2 đến 2,1 lần so với các nước có chỉ số lợi thế so sánh thấp liền kề. Điều này cho thấy, vị trí của Việt Nam đã có phần suy yếu tại thị trường EU.

(iv) Về chỉ số lợi thế so sánh RCA xét tại thị trường Hoa Kỳ, dệt may Việt Nam tiếp tục giữ vị trí thứ hai sau Campuchia. Tại Hoa Kỳ, chênh lệch chỉ số RCA tại thị trường này giữa Việt Nam và Campuchia đã giảm còn 2,7 lần. Tuy nhiên, khoảng cách giữa Việt Nam và các nước có chỉ số so sánh thấp liền kề, như: Lào, Indonesia và Philippines đã được rút ngắn đáng kể, giảm còn từ 1,1 đến 1,5 lần. Các nước này đã có thể cạnh tranh tốt hơn với hàng dệt may Việt Nam tại thị trường Hoa Kỳ. Đặc biệt là, chỉ số lợi thế so sánh hàng dệt may của Lào đã có khả năng tiệm cận với Việt Nam và có xu hướng tăng trong thời gian gần

HÌNH: LỢI THẾ SO SÁNH NGÀNH DỆT MAY CÁC NƯỚC ASEAN NĂM 2014



Nguồn: Tính toán từ dữ liệu UN Comtrade

đây, trong khi chỉ số của Việt Nam lại giảm đều qua các năm. Điều này làm xuất hiện nguy cơ Việt Nam sẽ mất vị trí cạnh tranh hàng dệt may vào thị trường Hoa Kỳ ngay trong cả 3 nước Đông Dương.

KẾT LUẬN VÀ GỢI Ý CHÍNH SÁCH

Vị trí của Việt Nam đã được thế giới “phân công” vào những khâu nhất định trong chuỗi dệt may toàn cầu. Chúng ta không thể cùng một lúc tham gia vào tất cả các khâu tạo ra giá trị gia tăng cao nhất trong chuỗi giá trị. Trước mắt, Việt Nam cần đẩy mạnh tìm kiếm giá trị cao nhất có thể từ hai khâu đã được “phân công” và nắm trong khả năng phát triển là sản xuất nguyên phụ liệu và cắt may xuất khẩu để nâng cao vị thế cạnh tranh trong khu vực Asean. Đối với khâu thiết kế và phân phối trực tiếp ở thị trường nước ngoài, trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam khó có thể cạnh tranh với các công ty có thương hiệu mạnh trên thế giới, vốn đã được định vị rất vững chắc trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu. Trong khi đó, phát triển sản xuất nguyên phụ liệu và đẩy mạnh hoạt động theo hình thức FOB là cái chúng ta hoàn toàn có thể làm được. Hơn nữa, đây là khâu mấu chốt, vừa tạo ra giá trị gia tăng cao hơn khâu cắt may, vừa có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển các khâu khác trong chuỗi giá trị phát triển. Do đó, trong thời gian tới, Việt Nam cần tập trung trước mắt vào giải quyết khâu sản xuất nguyên liệu và đẩy mạnh hoạt động sản xuất và xuất khẩu hàng dệt may theo hình thức FOB và ODM. Để làm được điều này, Việt Nam cần:

Thứ nhất, đối với phát triển công nghiệp hỗ trợ để sản xuất nguyên phụ liệu dệt may. Đây là hoạt động cần đẩy mạnh trong ngắn hạn để nâng cao khả năng cung cấp nguồn nguyên phụ liệu cho các doanh nghiệp may chuyển đổi sang phương thức FOB, ODM. Campuchia chưa có FTA với EU, nên sẽ không được miễn giảm thuế nhập khẩu dệt may vào các thị trường EU. Vì thế, Việt Nam tập trung vào phát triển công

ngành hỗ trợ dệt may để đáp ứng yêu cầu về xuất xứ hàng hóa và hưởng mức thuế quan 0% theo các FTA là giải pháp then chốt để nâng cao khả năng xuất khẩu và lợi thế so sánh cho Việt Nam trong thời gian tới. Theo đó, cần chú ý vào các nội dung sau:

Tổ chức nghiên cứu đầy đủ về nhu cầu và khả năng sản xuất nguyên phụ liệu của Việt Nam, cũng như khả năng kêu gọi FDI đầu tư sản xuất các nguyên phụ liệu cho ngành dệt may. Từ đó, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch phát triển những dòng sản phẩm nguyên phụ liệu dệt may - cái mà chúng ta có thật sự có khả năng và thế mạnh trong sản xuất.

Kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ dệt may không nên phát triển tràn lan mà cần tập trung trước mắt vào những dòng sản phẩm nguyên phụ liệu đáp ứng các yêu cầu về xuất xứ hàng hóa theo các FTA với EU. Điều này có thể bước đầu giúp chúng ta gia nhập vào khâu sản xuất nguyên liệu trong chuỗi giá trị toàn cầu vừa giải đáp bài toán trước mắt về xuất xứ hàng hóa để hưởng mức thuế thấp theo các hiệp định được ký kết.

Quy hoạch khu vực tập trung và ban hành chính sách cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ dệt may, trong đó chú ý ban hành khung chính sách với các tiêu chuẩn và ưu đãi về thuế, vốn, giá thuê đất cho các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp hỗ trợ này.

Thứ hai, đổi mới việc đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu theo hình thức FOB và ODM. Các doanh nghiệp may cần từng bước chuyển đổi mô hình từ gia công thuần túy sang sản xuất theo hình thức FOB và ODM

để có thể nâng cao giá trị gia tăng. Đây là hoạt động cần từng bước thực hiện trong dài hạn khi mà công nghiệp hỗ trợ dệt may đã từng bước ổn định. Để làm được điều này, Việt Nam cần chú ý vào các nội dung sau:

(1) Các công ty, tổng công ty nhà nước kinh doanh hàng dệt may với lợi thế về nguồn vốn cần có những bước đi tiên phong trong việc chuyển đổi mô hình sản xuất, dần dần chuyển hướng sang sản xuất chủ động theo các phương thức FOB hay ODM để tạo ra giá trị gia tăng cao hơn.

(2) Nhà nước cần chú trọng đưa những gói kích cầu vào các doanh nghiệp có kế hoạch thực hiện theo FOB hay ODM. Vì sản xuất theo các phương thức này đòi hỏi nguồn vốn rất lớn, do phải chủ động nguồn tài chính để mua nguyên phụ liệu thay vì được cung cấp như trong hình thức gia công.

(3) Hiệp hội Dệt may Việt Nam cần chủ động mở các chương trình tập huấn và tư vấn về cách thức tổ chức sản xuất theo phương thức FOB hay ODM. Rất nhiều doanh nghiệp dệt may Việt Nam hiện nay dù có đủ điều kiện về vốn, nhưng cũng không thể hoạt động theo phương thức FOB hay ODM, vì không biết cách thức tổ chức sản xuất. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Tuệ Anh và cộng sự (2011). *Báo cáo nghiên cứu năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu trong ba ngành may mặc, thủy sản, và điện tử ở Việt Nam*, The Asia Foundation - CIEM, Hà Nội
2. Hiệp hội Dệt may Việt Nam (2015). *Bản tin kinh tế - dệt may Việt Nam*, số 01/2015
3. Viện Chính sách Công, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (2013). *Đánh giá năng lực cạnh tranh của cụm ngành dệt may trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và một số địa phương lân cận*, TP. Hồ Chí Minh
4. UN Comtrade (2002-2014). *Kết quả xuất nhập khẩu của các nước trong Asean*, truy cập từ <http://comtrade.un.org/db/> (tháng 01/2015)
5. Balassa, Bela (1965). *Trade Liberalization and Revealed Comparative Advantage*, Manchester School of Economic and Social Studies, 33, 99(123)
6. Batra, A., & Khan, Z. (2005). *Revealed Comparative Advantage: An Analysis for India and China*, Working Paper No 168, Indian Council for Research on International Economic Relations (ICRIER), New Delhi
7. Greenaway, D. and C. Milner (1993). *Trade and Industrial Policy in Developing Countries: A Manual of Policy Analysis*, The Macmillan Press, esp, Part IV Evaluating Comparative Advantage, 181-208
8. John Weiss (2005). *Export Growth and Industrial Policy: Lessons from the East Asian Miracle experience*, ADB Institute Discussion Paper, No. 26
9. White, T. K. (1987). *Comparative Advantage, Competitive Advantage and U.S Agricultural Trade*, USDA, ERS, International Economics Division. Working Paper, No.87-2
10. Widgren, M. (2005). *Revealed Comparative Advantage in the Market*. Turku School of Economics, The Research Institute of Finish Economy (ETLA), CEPR and CESifo